TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Đ** TỈNH L	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **21**/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 06 - 4 - 2023
V/v tranh chấp "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ - TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Trần Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Trương Minh Thọ;

2.Ông Mai Phú

- Thư ký phiên toà: Ông Huỳnh Ngọc Phú - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đ - tỉnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ - tỉnh L *tham gia phiên tòa*: Bà Đinh Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đ, tỉnh L; xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 740/2022/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2023/QĐST - HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Kim N, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Số 197, đường N, Phường B, thành phố Đ, tỉnh L (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Công T, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Lô 18, khu quy hoạch P - N, Phường B, thành phố Đ, tỉnh L (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim N thì*: Bà và ông Nguyễn Công T chung sống cùng nhau năm 1997, đến năm 2000 thì kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 1, thành phố Đ, tỉnh L, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi cưới vợ chồng sống chung cùng nhà chồng một thời gian, sau đó vợ chồng

mua nhà ở tại Lô 18, khu quy hoạch P - N, Phường B, thành phố Đ, tỉnh L. Cuộc sống chung hạnh phúc đến khoảng năm 2017 - 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống trong cách cư xử và bất đồng về kinh tế, dẫn đến hay cải nhau, vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người ở một nhà. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên là Nguyễn Huỳnh Bảo T, sinh ngày 24/10/2000; Nguyễn Huỳnh Bảo T, sinh ngày 03/10/2003 và Nguyễn Hữu Bảo T, sinh ngày 04/01/2010, hiện cháu T đang sống cùng bà, ly hôn bà có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Hữu Bảo T và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con; đối với con chung Nguyễn Huỳnh Bảo T và Nguyễn Huỳnh Bảo T đã trưởng thành nên không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Bà N xác định vợ chồng sẽ tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà N xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tiếp cận chứng cứ và hòa giải nhưng ông T vắng mặt nên việc hòa giải không thành.

Tại phiên tòa, bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân một thời gian, không quan tâm gì đến nhau nên bà vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn đối với ông T. Về con chung bà N có nguyện vọng được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Hữu Bảo T, sinh ngày 04/01/2010 đến khi con thành niên theo nguyện vọng của con và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con; đối với con chung Nguyễn Huỳnh Bảo T, sinh ngày 24/10/2000, Nguyễn Huỳnh Bảo T, sinh ngày 03/10/2003 đã trưởng thành nên không có yêu cầu gì; về tài sản chung bà N xác định vợ chồng sẽ tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự phiên toà sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có mặt tại phiên tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên toà, đương sự vắng mặt đã được tống đạt thủ tục đầy đủ đúng quy định. Về nội dung giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh Thị Kim N, cho bà N được ly hôn với ông T; về con chung: Giao con chung Nguyễn Hữu Bảo T cho bà N được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi con thành niên, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận; về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Giữa bà Huỳnh Thị Kim N và ông Nguyễn Công T chung sống cùng nhau năm 1997, đến năm 2000 thì đăng ký kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn và bà N đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T, nên xác định quan hệ tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật dân sự năm 2015; bị đơn ông Nguyễn Công T đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại Lô 18, khu quy hoạch P - N, Phường B, thành phố Đ, nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Toà án nhân dân thành phố Đ, tỉnh L có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nói trên.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Công T đã được triệu tập hợp lệ trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tham gia phiên tòa hôm nay nhưng vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 cần xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung là phù hợp.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông T kết hôn với nhau năm 2000 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 1, thành phố Đ. Theo trình bày của bà N thì vợ chồng chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung vợ chồng hay cải nhau, hiện vợ chồng bà đã sống ly thân mỗi người sống một nhà, không còn tình cảm và không quan tâm gì đến nhau nữa, nên nguyện vọng của bà xin ly hôn để ổn định cuộc sống. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông T đến để hòa giải nhưng ông T đều vắng mặt đã chứng tỏ ông T cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, bà N xác định không còn tình cảm gì với ông T và giữ nguyên yêu cầu được ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông T đã trầm trọng kéo dài, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N, xử cho bà N và ông T được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3.2] Về con chung: Bà N xác định vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Huỳnh Bảo T, sinh ngày 24/10/2000; Nguyễn Huỳnh Bảo T, sinh ngày 03/10/2003 và Nguyễn Hữu Bảo T, sinh ngày 04/01/2010. Ly hôn bà N có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hữu Bảo T đến khi con thành niên; xét thấy cháu T có nguyện vọng sống cùng mẹ, nên cần giao con chung Nguyễn Hữu Bảo T cho bà N được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến khi con thành niên là phù hợp. Đối với con chung

Nguyễn Huỳnh Bảo T và Nguyễn Huỳnh Bảo T đã trưởng thành, phát triển bình thường và bà N không có yêu cầu gì, nên không xem xét.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà N không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Bà N xác định vợ chồng sẽ tự thỏa thuận phân chia, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Bà N xác định không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Huỳnh Thị Kim N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 2 Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn" của nguyên đơn Huỳnh Thị Kim N đối với bị đơn ông Nguyễn Công T.

Xử:

1/Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Huỳnh Thị Kim N và ông Nguyễn Công T được ly hôn.

2/Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Hữu Bảo T, sinh ngày 04/01/2010 cho bà Huỳnh Thị Kim N có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con thành niên.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3/Về án phí: Bà Huỳnh Thị Kim N phải chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* bà N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0002456 ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, bà N đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án (06/4/2023). Riêng đương sự vắng mặt tại phiên

tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15*(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh L xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L;
- VKSND tp. Đ;
- Chi cục THADS tp. Đ;
- UBND Phường A, tp. Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đã Ký

Trần Thị Lan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lan